

Đề triển khai, thực hiện kế toán xanh tại Việt Nam

ĐỖ NGỌC TRÂM*

Kế toán xanh được coi là một công cụ quan trọng liên quan đến các khía cạnh ảnh hưởng của môi trường tự nhiên đối với nền kinh tế và được xem là hướng chuyển đổi theo phương thức phát triển bền vững, hướng tới phát triển nền kinh tế xanh. Đây cũng là hướng tiếp cận mới và lâu dài, phù hợp với xu thế phát triển chung trên thế giới. Tuy nhiên, việc áp dụng kế toán xanh tại Việt Nam đang còn một số vướng mắc, cần khắc phục trong thời gian tới.

NHỮNG LỢI ÍCH CỦA VIỆC ÁP DỤNG KẾ TOÁN XANH

Theo Wikipedia, kế toán xanh là phương thức kế toán cố gắng tính toán các chi phí môi trường vào kết quả tài chính trong hoạt động của doanh nghiệp (DN). Quan điểm này lập luận rằng, tổng sản phẩm trong nước thường “bỏ qua” yếu tố môi trường, do đó các nhà hoạch định chính sách cần một mô hình mới có sự kết hợp với kế toán xanh.

Mục đích chính của kế toán xanh là giúp các DN hiểu và quản lý tiềm năng giữa các mục tiêu kinh tế truyền thống và mục tiêu môi trường, từ đó hướng đến mục tiêu bền vững.

Một số nghiên cứu cho rằng, kế toán xanh được chia thành nhiều góc độ khác nhau, bao gồm 5 nội dung chính: kế toán tài chính môi trường; kế toán quản trị môi trường; tài chính môi trường; pháp luật về môi trường; đạo đức và quan hệ với cộng đồng xã hội. Kế toán xanh nói chung và kế toán môi trường nói riêng là một bộ phận của tăng trưởng xanh, hướng đến mục tiêu “do con người, vì con người”, góp phần tạo sự ổn định, bền vững cho nguồn lực môi trường, xã hội phát triển.

Đào Thị Thúy Hằng (2020) đã chỉ ra 5 lợi ích của kế toán xanh đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh của DN, cụ thể như sau:

(i) Cung cấp thông tin, kiểm tra lợi nhuận, doanh thu và chi phí môi trường của DN để từ đó nhà quản trị đưa ra các quyết định sản xuất, kinh doanh. Nếu thực hiện tốt kế toán xanh, sẽ hạn chế được các yếu tố đầu vào nguyên liệu, năng lượng, nhân công bị tiêu hao trong quá trình tạo ra ô nhiễm, làm tăng hiệu quả sử dụng tài nguyên, tăng lợi thế cạnh tranh do giảm được giá thành sản xuất.

(ii) Cung cấp cho kế toán lường trước các tác động của môi trường, một số yếu tố có thể gây ra cho một DN hoặc tổ chức, từ đó giúp các nhà làm chính sách và quản trị DN có cách thức đối phó và giải quyết hợp lý.

Nhờ đó, cũng sẽ giúp giảm các rủi ro về môi trường, cũng như rủi ro về sức khoẻ cộng đồng, đồng thời cải thiện công tác kế toán quản trị và tài chính môi trường ở phạm vi DN.

(iii) Khắc phục được nhược điểm, hạn chế của kế toán truyền thống. Thực tế cho thấy, kế toán truyền thống hiện nay có những hạn chế nhất định, đặc biệt là các vấn đề môi trường. Hệ thống kế toán đang áp dụng chưa đủ điều kiện để các DN thực hiện kế toán môi trường. Hệ thống tài khoản, sổ, chứng từ kế toán không ghi nhận riêng biệt những thông tin môi trường. Yếu tố chi phí “môi trường” và thu nhập do “môi trường” mang lại không nằm trong một tài khoản, một khoản mục riêng rẽ, cụ thể nào của kế toán.

(iv) Việc áp dụng kế toán xanh, đặc biệt là kế toán môi trường góp phần cung cấp thông tin chính xác, minh bạch, đầy đủ và trách nhiệm, từ đó giúp cải thiện hình ảnh của DN trong mắt cơ quan quản lý, cổ đông, nhà đầu tư và các đối tác kinh doanh. Trên thực tế, việc áp dụng kế toán xanh thể hiện trách nhiệm xã hội và đạo đức kinh doanh của DN, từ đó làm hài lòng và củng cố được niềm tin của các bên liên quan.

(v) Kế toán môi trường – một nội dung cụ thể của kế toán xanh trong hệ thống kế toán nói chung, góp phần tìm kiếm và cung cấp các thông tin quan trọng và cần thiết về các chi phí và doanh thu có liên quan đến môi trường; hướng dẫn các DN, các chủ dự án trong các quyết định kinh tế, khuyến khích họ nỗ lực trong việc xử

* TS., Học viện Ngân hàng



Hiện nay, trên các tài khoản kế toán chưa ghi nhận các chi phí đáng kể liên quan đến môi trường

dụng tài nguyên, kể cả tài nguyên thiên nhiên do con người tạo ra một cách có hiệu quả. Từ đó, hạn chế tối đa sự hủy hoại môi trường, hạn chế rác thải và sự ô nhiễm, thay đổi các hành vi đối xử với môi trường sống.

THỰC TRẠNG ÁP DỤNG KẾ TOÁN XANH Ở VIỆT NAM

Nhiều năm trước đây, Liên hợp quốc đã yêu cầu các quốc gia và tổ chức trên thế giới thực hiện hệ thống kế toán môi trường, để phục vụ cho việc ghi chép các dữ liệu có liên quan đến hoạt động kinh doanh của DN, mà có tác động đến môi trường. Năm 2014, Liên hợp quốc đã triển khai chương trình ứng dụng mang tên “Hệ thống kế toán về kinh tế và môi trường” hay còn gọi là Kế toán xanh (Green Accounting).

Thực tế, từ năm 2000, Việt Nam đã bắt đầu làm quen với xu hướng phát triển kinh tế xanh của thế giới. Đặc biệt, Chiến lược Phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam giai đoạn 2011-2020 đã chỉ rõ đến năm 2020, các cơ sở sản xuất, kinh doanh mới thành lập phải áp dụng công nghệ sạch, thân thiện môi trường hoặc trang bị các thiết bị giảm ô nhiễm, xử lý chất thải. Chiến lược tăng trưởng xanh của Việt Nam giai đoạn 2011-2020 và tầm nhìn đến 2050 (được ban hành theo Quyết định số 1393/QĐ-TTg, ngày 25/9/2012 của Thủ tướng Chính phủ) tập trung vào 3 mục tiêu: giảm phát thải khí

nhà kính, xanh hóa sản xuất và xanh hóa tiêu dùng. Nhà nước cũng đã ban hành các quy định mang tính pháp lý để hạn chế sự khai thác quá mức nguồn tài nguyên thiên nhiên phục vụ cho phát triển kinh tế, xã hội; đồng thời, cũng là để hạn chế tới mức tối đa các hành vi vi phạm, hủy hoại môi trường, gây ô nhiễm môi trường.

Kế toán xanh là một bộ phận của hệ thống kế toán, cũng là một bộ phận giúp thúc đẩy nền kinh tế xanh của đất nước. Dù là một lĩnh vực hoàn toàn mới, song kế toán xanh sớm đạt được những kết quả tích cực vì tầm quan trọng mà nó mang lại. Ngoài việc cung cấp thông tin, kiểm tra lợi nhuận, doanh thu và chi phí môi trường của DN, kế toán xanh còn là một lĩnh vực đang phát triển tập trung hoặc cung cấp cho kế toán tác động môi trường, một số yếu tố có thể gây ra cho một DN hoặc tổ chức, từ đó giúp các nhà làm chính sách và quản trị DN có cách thức đối phó và giải quyết hợp lý.

Có thể nói, việc chấp nhận kế toán xanh trong hoạt động DN hiện nay nói riêng và phát triển kinh tế nói chung thể hiện cam kết và trách nhiệm xã hội, mà một DN hoặc tổ chức hướng tới môi trường bền vững.

Thời gian qua, Việt Nam đã ban hành Luật Môi trường lần đầu vào năm 1993 và sửa đổi Luật này hai lần vào các năm 2005, 2014. Việt Nam hiện cũng đã ban hành một số quy định yêu cầu các DN, các nhà đầu tư phải tiến hành đánh giá tác động đến môi trường, phải đưa ra hoặc triển khai các giải pháp xử lý môi trường trước khi thực hiện các dự án. Các loại thuế, phí về môi trường theo nguyên tắc “người gây ô nhiễm phải trả tiền” để xử lý, khắc phục, cải tạo và phục hồi môi trường, “người hưởng lợi từ giá trị môi trường phải trả tiền” đã được ban hành nhằm hạn chế các hoạt động gây ô nhiễm, suy thoái môi trường, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội theo hướng tăng trưởng xanh; đồng thời, cải thiện công tác kế toán quản trị và

tài chính môi trường ở phạm vi DN. Thực hiện những quy định đó, rất nhiều DN, tổ chức đã xây dựng được một quy trình sản xuất, kinh doanh hoặc cung ứng dịch vụ theo tiêu chuẩn "xanh, sạch", thân thiện với môi trường và phù hợp với chiến lược phát triển bền vững; mỗi DN sản xuất, kinh doanh và cả các dự án mới đều phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường theo Luật Bảo vệ môi trường và thực hiện đánh giá tác động môi trường.

Thời gian tới, cần lưu ý tới việc bổ sung các quy định liên quan tới kế toán xanh tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam. Cụ thể, cần bổ sung thêm tài khoản chi phí môi trường để phản ánh riêng nội dung chi phí môi trường phát sinh trong DN. Khi đó, chi phí môi trường trở thành một nội dung riêng trong giá thành sản xuất sản phẩm và giá thành sản xuất sản phẩm được xác định bằng chi phí sản xuất cộng chi phí môi trường.

Nhiều DN Việt Nam đã xác định được đúng hướng đi, sản xuất ra những sản phẩm đáp ứng sự tin cậy của khách hàng về chất lượng, từng bước nâng cao tiêu chí thân thiện với môi trường và người sử dụng. Nhiều DN đã đề ra và thực thi các biện pháp ngăn ngừa ô nhiễm, như: trang bị hệ thống hút bụi công suất lớn, coi trọng công tác vệ sinh công nghiệp trong và ngoài khu vực sản xuất. Đối với các loại chất thải rắn, các DN thường hợp đồng với công ty môi trường để thi thu gom hàng ngày, tránh tình trạng gây ô nhiễm. Đối với nước thải, các DN thường đầu tư trang bị hệ thống xử lý nước thải. Ngoài ra, nhiều DN còn tổ chức trồng và quy hoạch vành đai cây xanh góp phần làm trong sạch môi trường.

Tuy nhiên, cho đến nay, nhìn chung, các quy định về tài chính, các chuẩn mực, các chế độ kế toán và thực tế của hợp đồng chưa cung cấp và đáp ứng được những thông tin cần thiết về các chi phí liên quan đến môi trường theo các yêu cầu cho việc ra quyết định các hợp đồng, cũng như lập báo cáo tài chính. Yếu tố chi phí "môi trường" và thu nhập do "môi trường" mang lại không nằm trong một tài khoản, một khoản mục riêng rẽ, cụ thể nào của kế toán. Cụ thể, theo Chế độ Kế toán hiện hành quy định các DN Việt Nam thực hiện phân loại chi phí, lợi ích của hoạt động kinh doanh theo yêu cầu quản lý của kế toán tài chính. Phần lớn các DN tiến hành phân loại chi phí theo hai cách phổ biến là phân loại chi phí theo các yếu tố chi phí hoặc phân loại chi phí theo khoản mục tính giá thành. Như vậy, các DN thường không tổ chức theo dõi riêng nội dung chi phí môi trường. Do đó, các chi phí môi trường có thực tế phát sinh thường được phân loại vào một trong

các khoản mục chi phí trên, như: chi phí sản xuất chung, chi phí quản lý DN (theo cách phân loại chi phí theo khoản mục tính giá thành), là chi phí khấu hao tài sản cố định, chi phí dịch vụ mua ngoài hoặc chi phí khác bằng tiền (theo cách phân loại chi phí theo yếu tố).

Ngoài ra, hiện nay, trên các tài khoản kế toán chưa ghi nhận các chi phí đáng kể liên quan đến môi trường, như: chi phí sửa chữa, đền bù, chi phí khắc phục sự cố và chi phí dọn dẹp, xử lý trong các vụ tai nạn, hủy hoại môi trường sinh thái, môi trường sống.

Có thể thấy, việc áp dụng kế toán xanh ở Việt Nam gặp phải nhiều khó khăn xuất phát từ nhiều nguyên nhân, trong đó:

Một là, Việt Nam có quá ít chuyên gia, cũng như tài liệu nghiên cứu tổng quan về vấn đề này. Việt Nam chưa xây dựng được một ngân hàng dữ liệu về môi trường quốc gia (thông tin về tài sản môi trường. Ví dụ: tài nguyên nước, khoáng sản, rừng; các công nghệ xử lý chất thải; các bộ tiêu chuẩn môi trường trong từng ngành, lĩnh vực...) làm cơ sở cho hạch toán.

Hai là, chưa cơ quan có trách nhiệm nào công bố mức chi tiêu hàng năm cho các hoạt động bảo vệ môi trường.

Ba là, các văn bản pháp lý và các tiêu chuẩn về môi trường trong hoạt động của DN còn thiếu và chưa đồng bộ. Nhiều DN, tổ chức, cá nhân gây ô nhiễm, nhưng chưa thực hiện trách nhiệm theo nguyên tắc người gây ô nhiễm phải trả chi phí.

Bốn là, nhận thức về trách nhiệm xã hội của DN, tổ chức đối với cộng đồng còn ở trình độ thấp. Nhân tố môi trường hầu như chưa được tính đến trong các phương án sản xuất, kinh doanh của các DN.

Năm là, công tác đào tạo kế toán viên có kiến thức về kế toán xanh còn rất hạn chế. Hiệp hội nghề nghiệp về kế toán cũng chưa phối hợp với các cơ quan, tổ chức về môi trường để xây dựng được một quy trình, phương pháp riêng đối với kế toán xanh.

NHỮNG GIẢI PHÁP CẦN THỰC HIỆN TRONG THỜI GIAN TỚI

Thứ nhất, xây dựng và nâng cao ý thức áp dụng kế toán xanh trong DN

Thực tế cho thấy, hiện nay, bản thân các DN chưa nhận thức được ý nghĩa và lợi ích của hoạt động bảo vệ môi trường

nói chung và việc áp dụng kế toán xanh nói riêng. Đa số các DN tại Việt Nam vẫn chưa tính hành tinh toán các chi phí môi trường.

Nhiều nhà quản trị DN cũng chưa nhận thức được rằng, chi phí bỏ ra để tính toán các chi phí môi trường nhỏ hơn rất nhiều so với tổng chi phí phải gánh chịu khi họ phải trả thuế, phí hay tiền phạt từ các hành vi gây hại môi trường. Vì thế, cần phải làm sao để các DN thay đổi nhận thức là quan tâm đến môi trường không chỉ là vấn đề đạo đức, mà những thiệt hại môi trường do DN gây ra sẽ trở thành những thiệt hại kinh tế cho chính bản thân DN. Để làm được điều này, cần bắt đầu bằng việc giáo dục ý thức bảo vệ môi trường cho các nhà quản trị DN và đội ngũ những người lao động trong các DN.

Thứ hai, cần hoàn thiện hệ thống pháp lý liên quan đến kế toán xanh

Hiện nay, hệ thống kế toán đang áp dụng chưa đủ điều kiện để các DN thực hiện kế toán xanh nói chung, kế toán môi trường nói riêng. Hệ thống tài khoản, sổ, chứng từ kế toán không ghi nhận riêng biệt những thông tin môi trường. Điều này làm cho ý nghĩa của các khoản chi phí, lợi ích môi trường không được làm rõ, thông tin không đầy đủ, nên chưa có tác dụng hỗ trợ các nhà quản trị trong việc ra quyết định, trong đó có các quyết định liên quan đến việc đề ra những biện pháp cụ thể làm giảm chất thải gây ô nhiễm môi trường, tức là làm giảm chi phí cho môi trường.

Với chủ trương phát triển bền vững, "xanh hóa nền kinh tế" của Đảng và Nhà nước, Luật Bảo vệ môi trường năm

2014 đang tiếp tục được sửa đổi và bổ sung. Trong đó, dự kiến sẽ bổ sung các quy định phân tách hoạt động bảo vệ môi trường được ưu đãi, hoạt động bảo vệ môi trường được hỗ trợ, bao gồm: sản xuất nông nghiệp sạch, năng lượng tái tạo; sản xuất, nhập khẩu, sử dụng máy móc, thiết bị, phương tiện giao thông dùng năng lượng tái tạo; sản xuất, tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ thân thiện với môi trường; áp dụng mô hình kinh tế tuần hoàn, kỹ thuật tốt nhất hiện có trong sản xuất, kinh doanh. Dự thảo Luật cũng sẽ bổ sung thuế bảo vệ môi trường, mua sắm xanh và chính sách ưu đãi, hỗ trợ sản xuất, phân phối và sử dụng sản phẩm, dịch vụ thân thiện môi trường. Điều đó cho thấy, việc tách chi phí môi trường khỏi chi phí sản xuất là cần thiết. Theo đó, thời gian tới, cần lưu ý tới việc bổ sung các quy định liên quan tới kế toán xanh tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam. Cụ thể, cần bổ sung thêm tài khoản chi phí môi trường để phản ánh riêng nội dung chi phí môi trường phát sinh trong DN. Khi đó, chi phí môi trường trở thành một nội dung riêng trong giá thành sản xuất sản phẩm và giá thành sản xuất sản phẩm được xác định bằng chi phí sản xuất cộng chi phí môi trường.

Bên cạnh đó, cần tăng cường các chế tài xử phạt, thực hiện tốt các chính sách thuế phí môi trường đối với DN, qua đó giúp các DN nâng cao nhận thức, cũng như thực hiện trách nhiệm bảo vệ môi trường. Ngược lại, cũng cần có cơ chế độ khuyến khích và biểu dương các DN thực hiện tốt trách nhiệm xã hội của mình, qua đó tuyên truyền sâu rộng về việc áp dụng kế toán xanh trong hoạt động thực tiễn.

Thứ ba, cần quan tâm đến công tác xây dựng và phát triển nguồn nhân lực có trình độ về kế toán xanh

Hiện nay, do kế toán xanh chưa phổ biến trong DN, nên bộ phận kế toán của DN hầu như không có những nhân viên kế toán có kiến thức về kế toán môi trường hoặc nhân viên kế toán môi trường chuyên biệt. Vì vậy, trong thời gian tới, các DN cần quan tâm đến việc tìm kiếm, đào tạo và xây dựng phòng kế toán có năng lực và kinh nghiệm về kế toán xanh...□

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Tài chính (2014). *Thông tư số 200/2014/TT-BTC*, ngày 22/12/2014 ban hành *Chế độ Kế toán DN*
2. Bộ Tài nguyên và Môi trường (2019). *Tờ trình về Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo vệ môi trường*, đăng tải lấy ý kiến nhân dân trên Cổng Thông tin điện tử của Bộ Tài nguyên và Môi trường ngày 13/12/2019
3. Dương Thị Thanh Hiền (2016). Kế toán xanh và kế toán môi trường - Một số quan điểm hiện đại, *Tạp chí Kế toán - Kiểm toán*, số tháng 4/2016
4. Phạm Quang Huy (2016). Nghiên cứu khung lý thuyết về kế toán xanh và định hướng áp dụng vào Việt Nam trong tiến trình hội nhập toàn cầu, *Tạp chí Kế toán - Kiểm toán*, số tháng 4/2016
5. Đào Thị Thúy Hằng (2020). *Ứng dụng kế toán xanh ở Việt Nam và một số vấn đề đặt ra*, truy cập từ <http://tapchitaichinh.vn/ke-toan-kiem-toan/ung-dung-ke-toan-xanh-o-viet-nam-va-mot-so-van-de-dat-ra-318070.html>
6. Hương Giang (2020). *Vận dụng kế toán xanh - Xu thế tất yếu để phát triển bền vững*, truy cập từ <http://tapchitaichinh.vn/nguyen-cuu-trao-doi/van-dung-ke-toan-xanh-xu-the-tat-yeu-de-phat-trien-ben-vung-322122.html>